

## VỀ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ QUA THÂN NÚI TẢN

VÕ THỊ HOÀNG LAN\*

Từ xa xưa, trong ý thức của nhiều cư dân trên thế giới, núi luôn chứa đựng một sự linh thiêng nào đó, bởi trong hình dung của con người, núi là gạch nối giữa trời và đất, là nơi trời và đất gặp nhau: đỉnh núi với bông bành mây phủ, như “chạm” được tới trời, còn chân núi vững vàng trên đất, dễ khiến con người cho là nó đang “thực hiện” sứ mệnh của mình - chuyển tải sinh lực của “cha” trời vào lòng “mẹ” đất. Với những ngọn núi cô độc, riêng lẻ (tức là những ngọn núi không “đứng” chung trong cả một dãy núi) thì lại càng được nhìn nhận đặc biệt hơn và chất linh của ngọn núi đó vì thế càng gia tăng, đến mức nó có thể giữ một vai trò đặc biệt trong đời sống tâm linh của cả một cộng đồng hay một dân tộc, do vậy mà một số tộc người thường có một ngọn núi thiêng của mình. Với người Việt ở châu thổ sông Hồng thì đó chính là núi Tản Viên/Ba Vi:

*Nhất cao là núi Tản Viên*

*Nhất sâu là vũng Thủy Tiên Tuấn Vương.*

Hay:

*Nhất cao là núi Ba Vi*

*Thứ ba Tam Đảo, thứ nhì Độc Tôn*

Thực ra, theo các nhà địa lý học, nếu tính về độ cao tự nhiên (so với mực nước biển) thì

\* VIỆN VĂN HÓA NGHỆ THUẬT  
VIỆT NAM

núi Tản Viên không cao bằng núi Tam Đảo, có lẽ tâm thức dân gian cho núi Tản “cao” nhất bởi Tản Viên là ngọn núi thiêng, mang tư cách như “trục vũ trụ” mà qua đó sinh lực của “trời cha” chuyển xuống “đất mẹ”, nhờ đó mà đất đai màu mỡ, nuôi sống con người và vạn vật. Từ đó mà Tản Viên đã trở thành chủ sơn trấn ngự cả vùng châu thổ sông Hồng: “Núi như một vị thần oai phong đứng sừng sững nơi bắt đầu đồng bằng Bắc Bộ - như che chở cho nhân dân và muôn loài sinh sống an cư lạc nghiệp”<sup>1</sup>.

Núi Tản Viên hay còn gọi là núi Ba Vi, nay thuộc huyện Ba Vi (Hà Nội), trước kia thuộc tỉnh Sơn Tây. Và, tỉnh Sơn Tây cho đến đời Nguyễn còn bao gồm cả một phần của tỉnh Vĩnh Yên cũng như tỉnh Phú Thọ ngày nay. Đó chính là dải đất cao ven đồng bằng châu thổ hay còn gọi là vùng trung du, đó cũng chính là “địa bàn gốc” của người Việt - Mường (chung), để rồi “do sức ép dân số, nhiều nhánh đã tản xuống làm ăn ở vùng châu thổ, rồi hòa huyết, hòa văn hóa với các cộng đồng Tày cổ - Mã Lai cổ - Hoa cổ... mà thành tộc Kinh/Việt, còn các nhánh khác, từ Ba Vi - Quảng Oai “đi lên” theo mạn Thanh Thủy, Thanh Sơn, Đôn Vàng, Sơn Đông... mà tới Văn Chấn, Phù Yên... và “đi xuôi” vẫn theo đường chân núi mà tới Hòa

Bình- Thanh Nghệ...<sup>2</sup>. Như vậy có thể hiểu, đây cũng chính là nơi mà người Việt bắt đầu quá trình chinh phục/khai phá châu thổ Bắc Bộ và cũng từ đây, khi đối diện với một môi cảnh mới là miền châu thổ lầy trũng, lũ lụt mới trở thành một vấn đề với họ, vì “miền đồng bằng chịu hại nhiều bởi lũ lụt hơn là miền trung du; những lần nước sông tràn ngập đã gây nên những trở ngại cắt đứt giao thông ở miền trung du, nhưng về mặt nông nghiệp, nó không gây những tỉ lệ tai hại như ở miền đồng bằng”<sup>3</sup>. Vậy mà, vừa về đến “cửa ngõ” của châu thổ, người Việt cổ đã phải đối mặt với sông Đà, một dòng quan trọng nhất của hệ sông Hồng “nhưng dữ dội hơn sông Hồng nhiều, vì triển nó dốc hơn, nước nó chảy mạnh hơn; lũ lụt của hệ sông Hồng do sông Đà gây ra nhiều hơn tất cả các sông khác”<sup>4</sup>. Có lẽ giải pháp đầu tiên mà những cư dân vẫn còn đang lạ lẫm với vùng đất mới này nghĩ tới, là nương nhờ vào núi để tránh lũ lụt, bởi nước dù có dâng cao đến đâu cũng không thể nhấn chìm được núi, nên núi có thể “chống” lại được nước. Và, núi Tản Viên với 3 ngọn “tròn như cái tán”, “hướng Tây có Đà giang chảy quanh”, hùng vĩ nổi lên giữa vùng đất mà các đầm lầy và ô trũng nối tiếp nhau, đã được lựa chọn để trở thành một điểm tựa tâm linh vững chắc của người Việt cổ. Chúng tôi cho rằng, chính vị trí địa lý của núi Ba Vì như vậy đã là một trong những lý do khiến cho dân gian “rước” thần (Sơn Tinh) về “ngự” ở đây, để ngài trở thành vị thần tối cao của điện thần Việt - Mường: ngài là vị thần/thánh đứng đầu hệ “Tứ bất tử” của người Việt, còn với người Mường, Bua Pa Ví (vua Ba Vì) được thờ phụng không chỉ chung trong cả cộng đồng mà còn được thờ riêng ở từng gia đình.

Dựa vào các bản truyền thuyết và thần tích xuất hiện vào những thời điểm khác nhau về đức Tản Viên Sơn thánh, có thể thấy rằng, nguyên thủy ngài là một vị nhiên thần (thần núi) của tín ngưỡng dân gian Việt cổ. Mặc dù “Sơn Tinh” là chữ Hán nhưng không có nghĩa đây là vị thần xuất hiện sau khi người Việt chịu ảnh hưởng của văn hóa Hán, mà thực chất đây

chỉ là “một cách mượn thuật ngữ ngoại lai để diễn đạt một nội dung bản địa”<sup>5</sup>, tức là trước khi người Việt biết đến danh từ “Sơn Tinh” thì đã phải có một/nhiều ông thần núi trong đời sống tâm linh của họ rồi. Trong những truyền thuyết về Tản Viên Sơn thánh ở Phú Thọ, thì có một số thuyết kể rằng, mẹ ngài ở động Lăng Xương bên sông Đà, bà là một người phụ nữ xấu xí, nghèo khổ nên không lấy được chồng, do dẫm phải một vết chân khổng lồ rồi cảm động mà thụ thai sinh ra ngài<sup>6</sup>. “Vết chân khổng lồ” trong tư duy thần thoại của người nguyên thủy chỉ có thể là vết chân của thần linh (những vị thần khổng lồ đã tạo lập nên thế giới này từ trong hỗn mang của vũ trụ như ông Trụ Trời, ông Đào Sông, ông Tát Bể, ông Tứ Tượng, bà Nữ Oa, ông Đùng - bà Đà...), hoặc của những người khổng lồ được tạo hóa sinh ra từ buổi khai thiên lập địa. Với người Việt cổ khi còn sống ở vùng rừng núi thì không loại trừ khả năng họ nhìn thấy hình ảnh của người khổng lồ trong bóng dáng của “ông” núi và như thế “vết chân khổng lồ” là dấu tích thiêng liêng của thần linh hoặc của con người khổng lồ, thế hệ một của thời quá khứ để lại, cho thấy một cách tương đối rõ ràng lai lịch của Tản Viên Sơn thánh: ngài là “con đẻ” của người khổng lồ (núi) - vị thần bản địa của người Việt cổ - nên ngài đã trở thành một thần tượng tổng hợp được sức mạnh và sự linh thiêng của đất đá và núi, mà trước đó đã từng được người Việt cổ thờ phụng với nhiều tên gọi như ông Đống, ông Núi, ông Đột Ngột, ông Chon Von... (có thể những tên gọi này đã từng gắn với những ngọn núi cụ thể ở các địa bàn sinh sống của người Việt cổ trong quá khứ?). Như vậy, “Sơn Tinh” là “tinh của núi” nhưng không chỉ là “tinh của núi Ba Vì” mà phải là “tinh” của nhiều ngọn núi ở những vùng núi bao quanh/ria của châu thổ Bắc Bộ, để rồi được “hội” vào núi Tản để trở thành Tản Viên Sơn thánh trong quá trình tạo thần của tín ngưỡng dân gian. Tuy nhiên, cũng có những bản thần tích lại kể rằng, Sơn Tinh là con của cha Rồng và mẹ Tiên, ngài nằm trong số 50 con theo cha về biển nhưng rồi vì “nhớ” mẹ nên lại lên núi cùng

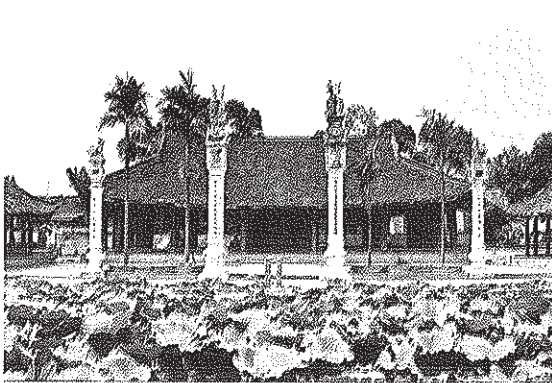
me; hay "thần núi Tản Viên ở biển lên do cửa Thần Phù, cứ như bây giờ là thuộc về Nam Định mà đi vào đất liền"... Chúng tôi cho rằng, những chi tiết này (ngài là con của Lạc Long Quân và Âu Cơ, hay có nguồn gốc từ biển lên) chỉ được các thế hệ sau này "thêm vào" hay "sáng tạo". Chúng ta chỉ có thể thấy những chi tiết đó xuất hiện trong các bản thần tích, thần phả đã được văn bản hóa và sao lại nhiều lần qua các thời kỳ khác nhau, nếu so sánh với những truyền thuyết vẫn lưu truyền trong dân gian (như truyền thuyết mà chúng tôi đã dẫn ở trên) thì chắc chắn rằng, thời điểm ra đời của truyền thuyết dân gian phải sớm hơn những bản thần tích, thần phả này. Cố GS. Trần Quốc Vượng cho rằng: "Muốn tìm thấy dung mạo tương đối nguyên thủy của Đức thánh Tản Viên, ai trong chúng ta cũng thấy cần đào xuống lớp trầm tích văn hóa Bua Pa Ví của người Mường, ít chịu ảnh hưởng Hoa Hạ Đạo giáo hơn"<sup>8</sup>. Và, khi "đào xuống" như vậy, Lâm Bá Nam đã nhận thấy rằng, "trong quan niệm dân gian Mường, Tản Viên không hoàn toàn đồng nhất với Sơn Tinh với tư cách vừa là con út của Mẹ Âu Cơ và Bố Rồng, vừa là em, vừa là rể của Bố Hùng"<sup>9</sup>. Đến đây chúng ta có thể tin rằng, truyền thuyết gốc về Đức thánh Tản Viên của người Mường và của người Việt đều cho rằng, ngài là người bản địa, tức là người ở núi. Như vậy, việc văn bản hóa các sự tích về Tản Viên Sơn thánh bằng các thần tích, thần phả có lẽ của các Nho gia qua thời gian và lịch sử, đã bồi phủ thêm những lớp văn hóa Nho giáo, Đạo giáo... lên hình tượng đức thánh Tản, để sau đó ngài phân thân thành ba vị thần có danh tính rõ ràng (Tản Viên, Cao Sơn, Quý Minh/Nguyễn Tuấn, Nguyễn Hiến...), với một lý lịch cụ thể (có quê quán, cha mẹ, anh em họ hàng... đầy đủ) và mang bóng dáng một anh hùng văn hóa (ngài vừa là vị thần khai sáng một dòng văn hóa dân gian, vừa là vị thần chống lũ lụt, vừa là anh hùng chống giặc ngoại xâm, đồng thời cũng là một thủ lĩnh địa phương). Tuy nhiên chúng tôi nhận thấy rằng, trong tâm thức dân gian Việt, Đức thánh Tản Viên luôn hiện lên trong diện mạo

một vị thần chiến thắng lũ lụt mà đại diện là Thủy Tinh, phải chăng dân gian cho rằng, quyền năng nổi bật nhất của Đức thánh Tản Viên chủ yếu tập trung vào việc trị thủy? Có thể đây không phải là ý nghĩa nguyên thủy của tín ngưỡng thờ Tản Viên, mà nó chỉ được bổ sung về sau trong những điều kiện tự nhiên và hoàn cảnh lịch sử nhất định của tộc người Việt, nhưng dù vậy thì sự bổ sung đó cũng sẽ phản ánh/chứa đựng những giá trị hiện thực nào đó, mà ngày nay muốn tìm hiểu lịch sử định cư của tộc người Việt ở châu thổ sông Hồng chúng ta không thể bỏ qua.

Có thể nói, vùng chân núi Ba Vì là ranh giới của tộc Việt - Mường (chung) với hai tộc Việt và Mường, tức là về mặt không gian, từ đây theo sông Hồng ngược lên thì chưa diễn ra quá trình chia tách của tộc Việt - Mường (chung), nhưng từ đây đi xuống phía dưới thì quá trình ấy đã xảy ra: có nhánh đã "bước ra" khỏi vùng rừng núi để tiến xuống một địa bàn mới (vùng châu thổ tuy còn lầy trũng nhưng đã tương đối bằng phẳng) và trở thành người Kinh/Việt; nhánh còn lại vẫn tiếp tục chọn vùng rừng núi làm nơi cư trú của mình - cho dù họ có "đi lên" hay "đi xuôi" thì vẫn là men theo các chân núi, tức là "địa bàn" thì có thể mới, nhưng "địa hình" thì vẫn được họ bảo lưu trong quá trình di chuyển - và những nhánh này chính là tổ tiên của người Mường hiện nay. Nếu Bua Pa Ví - Đức thánh Tản nguyên là một "nhiên thần của thời đại Đông Sơn tiền Bắc thuộc", vị thần tối cao của thần điện Việt Mường chung, thì cũng từ địa bàn này (vùng chân núi Ba Vì) diện mạo của ngài thay đổi dần so với nguyên thủy, theo bước chân khai phá châu thổ sông Hồng của tộc người Việt. Nhưng, ngay ở địa bàn gốc này, diện mạo của Đức Thánh cũng đã có một sự thay đổi rõ rệt giữa hai bên bờ sông Đà và sông Hồng (ở khu vực này, hiện nay sông Hồng và sông Đà là ranh giới giữa các tỉnh Phú Thọ và Vĩnh Phúc với Sơn Tây). Nếu như chủ đề chính của truyền thuyết Sơn Tinh ở Phú Thọ là đám cưới của Sơn Tinh với Mỵ Nương Ngọc Hoa và Sơn Tinh giúp vua Hùng dẹp Thục<sup>10</sup>, thì "vượt" sông Đà và sông Hồng sang

đến đất Sơn Tây, ngài lại hiện lên trong vai trò của một anh hùng văn hóa: chiến đấu và chiến thắng Thủy Tinh (lũ lụt) và dạy dân bách nghệ, nhưng đậm nét hơn cả vẫn là cuộc chiến giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh: "Trong ký ức của nhân dân vùng chân núi Ba Vì, hình ảnh Sơn Tinh trước hết là hình ảnh người anh hùng trị thủy, người đã chiến thắng Thủy Tinh hết sức oanh liệt, cứu dân thoát khỏi nạn lụt. Trong hàng trăm truyền thuyết lưu truyền ở vùng xung quanh núi Tản mà Sở Văn hóa - Thông tin Hà Tây đã chọn in chững một nửa trong tập "Truyền thuyết Sơn Tinh" thì phần lớn là chuyện Sơn Tinh đánh nhau với Thủy Tinh"<sup>11</sup>. Hành trình đón vợ của Sơn Tinh (từ thành Phong Châu về núi Tản) phải chăng là sự phản ánh một cách trung thực - bằng huyền tích - quá trình chuyển cư của người Việt từ trung du xuống vùng châu thổ (?): quê gốc của Sơn Tinh là ở động Lăng Xương (xã Trung Nghĩa, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ) nhưng sau khi lấy được Ngọc Hoa, ngài lại quyết định vượt sông Đà đưa vợ về núi Tản sinh sống và chính ở đây, cuộc chiến giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh mới thực sự xảy ra. Nguyên nhân của cuộc chiến ấy được truyền thuyết cho là bởi Ngọc Hoa, nàng My Nương xinh đẹp con vua Hùng thứ 18. Nhưng nếu đối diện trực tiếp với cảnh quan thiên nhiên của vùng đất này, chúng ta sẽ thấy rằng, cái lỗi sự thật được huyền thoại bao bọc chính là sự hung dữ có tính hủy diệt của lũ sông Đà hàng năm, đã khiến cho dân gian liên tưởng đến cơn ghen tình của Thủy Tinh (chỉ có lòng ghen tuông - mà lại là ghen tuông của thần linh - thì mới hận mới được nuôi dưỡng lâu dài "năm năm báo oán, đời đời đánh ghen" và "nổ" ra với một sức mạnh ghê gớm có thể hủy hoại cả trần gian). Cuộc chiến này cũng chứng tỏ khả năng thích nghi một cách linh hoạt với môi trường mới của người Việt, từ trong quan niệm cho tới hành động thực tiễn: theo cổ GS. Trần Quốc Vượng, Sơn Tinh - Thủy Tinh là một cặp thần tự nhiên của tín ngưỡng dân gian Mường - Việt<sup>12</sup>, thực chất đó là cặp đôi Núi - Nước vừa có mặt đối lập lại vừa hòa hợp với nhau và tùy thuộc vào

từng điều kiện môi trường tự nhiên cụ thể mà mặt nào bộc lộ ra mạnh hơn. Khi người Việt còn ở vùng trung du, người ta nhận thấy một sự hòa hợp nhất định giữa cặp đôi này: "Vương là Sơn Tinh (thần núi) cùng với Thủy Tinh (thần nước) kết bạn, ở ẩn trong động Gia Ninh, thuộc về Phong Châu"<sup>13</sup>. Những truyền thuyết về Sơn Tinh - Thủy Tinh của người Mường cũng cho chúng ta thấy trong quá khứ, trước khi trở thành "tình địch" thì Sơn Tinh đã cứu sống Thủy Tinh và sau đó hai ngài trở thành bạn của nhau. Có sự hòa hợp đó có lẽ bởi ở địa bàn này, nước lũ từ hệ thống sông Hồng chưa phải là một mối nguy hiểm với những cư dân sinh sống ở đây, nên trong con mắt của họ mối quan hệ Núi - Nước vẫn là bạn bè và "sơn thủy hữu tình". Nhưng chỉ mới bước chân xuống đến "cửa ngõ" châu thổ thôi, trước thực tế lũ sông có thể tàn phá vùng đất bằng phẳng mạnh hơn nhiều so với vùng đồi núi, người ta nhận thấy rằng lúc này, thế lưỡng hợp Núi - Nước phải chuyển sang thế lưỡng phân bởi nước (lũ) đã trở thành một mối họa khôn lường với con người và núi có thể giúp con người chống lại nước, thế là cuộc chiến giữa Sơn Tinh - Thủy Tinh xảy ra với phần thắng tất yếu phải thuộc về Sơn Tinh. Chiến thắng của Sơn Tinh đã chứng tỏ việc người Việt quyết định sử dụng nguồn nước tại chỗ (tức là nước mưa) chứ không phải nước sông trong sinh hoạt cũng như sản xuất nông nghiệp. Hình ảnh "nước cao đến đầu, núi dâng đến đó" phải chăng là hình ảnh đắp đê chống lụt của người dân và khi đắp đê như vậy thì nước sông sẽ không giúp gì họ trong quá trình canh tác nông nghiệp được nữa, bởi trình độ kỹ thuật khi đó chưa cho phép người Việt dẫn được nước sông vào ruộng sau khi đã có đê ngăn<sup>14</sup>. Ngay cả việc Sơn Tinh giúp dân chống hạn bằng cách dạy dân đào giếng cũng chứng tỏ rằng, vào thời đó, nước sông chưa được người Việt nghĩ tới như một nguồn nước mang lại sự sống cho họ, nên để Sơn Tinh chiến thắng Thủy Tinh cũng là cách tỏ thái độ của người Việt đối với nước sông: họ chỉ nhìn thấy những nguy cơ tiềm ẩn do nước sông - cụ thể là những cơn lũ - mang lại.



Một di sản văn hóa trong hệ thống di tích thờ Tản Viên - Đình Tây Đàng, Ba Vi, Hà Nội - Ảnh: C.T.V

Vừa chiến đấu (với lũ lụt) để khai phá vùng đất mới, vừa lao động để xây dựng quê hương mới (dạy dân phát triển các nghề trồng trọt, chăn nuôi...) Tản Viên Sơn thánh đã trở thành biểu tượng thần thánh cho quá trình khai phá và tạo lập địa bàn cư trú mới của người Việt ở châu thổ sông Hồng. Có lẽ đó là một trong những lý do quan trọng để ngài trở thành vị thần "bất tử" đầu tiên trong hệ "Tứ bất tử" của người Việt và ít nhiều còn có bóng dáng một thần nông nghiệp./

V.T.H.L

#### **Chú thích:**

- 1- Sở Văn hóa - Thông tin Hà Tây (1997), *Sơn Tinh và vùng văn hóa cổ Ba Vi*, tr.16.
- 2- Sở Văn hóa - Thông tin Hà Tây (1997), *ttđđ*, tr. 158.
- 3- Jeanne Cuisinier- Jeanne Cuisinier, *Người Mường địa lý nhân văn và xã hội học* (Bản dịch của Sở Văn hóa - Thông tin Hòa Bình), Nxb. Lao động, tr. 56.
- 4- Sở Văn hóa - Thông tin Hà Tây (1997), *ttđđ*, tr. 23.

5- Nguyễn Duy Hinh (1996), *Tin ngưỡng Thành hoàng Việt Nam*, Nxb. KHXH, tr. 108.

6- Nguyễn Khắc Xương (sưu tầm) (2008), *Truyền thuyết Hùng Vương*, Nxb. VHDT - Hội Văn học nghệ thuật Phú Thọ, H, tr. 70 - 73.

7- Nguyễn Đồng Chi (2003), *Tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh*, quyển I, Nxb. KHXH, tr. 134 - 135. Chi tiết này rất đáng lưu tâm (kể cả Quý Minh), vì có thể đó là một sự kiện ẩn chứa về con đường đi của tộc Malayo/Đán... Hiện nay còn nhiều đền thờ Quý Minh ở Ninh Bình, Nam Định.

8- Sở Văn hóa - Thông tin Hà Tây (1997), *ttđđ*, tr. 162.

9- Lâm Bá Nam (1990), "Hình tượng Tản Viên trong đời sống văn hóa của người Mường", *Tạp chí Văn hóa dân gian*, số 4, tr. 48.

10- Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao Phú Thọ, Hội Văn nghệ dân gian Phú Thọ (2000), *Tổng tập văn nghệ dân gian Đất Tổ*, tập 1, tr. 24.

11- Sở Văn hóa - Thông tin Hà Tây (1997), *ttđđ*, tr. 102 - 103.

12- Sở Văn hóa - Thông tin Hà Tây (1997), *ttđđ*, tr. 44.

13- Lý Tế Xuyên (2001), *Việt điện u linh*, Nxb. Văn học, H, tr. 107.

14- Theo các nhà khoa học thủy lợi, trước đây mặt ruộng thường cao hơn mực nước sông Hồng, nên để dẫn được nước sông vào ruộng thì phải có một kỹ thuật tiên tiến mà người Việt từ thời đó chưa có. Công trình dẫn nước sông Hồng vào ruộng đầu tiên ở châu thổ Bắc Bộ đến gần giữa thế kỷ XX mới có, là do người Pháp xây dựng: "Năm 1932 hoàn thành trạm bơm Phú Xá (thị xã Sơn Tây). Trạm bơm có nhiệm vụ hút nước sông Hồng tưới cho 10.000 ha nằm giữa sông Hồng, sông Tích và sông Đáy", Xem Phan Khánh (chủ biên) (1981), *Sơ thảo lịch sử thủy lợi Việt Nam*, tập I, Nxb. KHXH, tr. 227.

#### **VÕ THỊ HOÀNG LAN: ON INTANGIBLE CULTURAL HERITAGE OF THE GOD OF TAN MOUNTAIN**

To locate Tan mountain as master mountain of the country, the author examines an important geo-cultural location to open the cultivation of North delta to determine paddy rice civilization. At the same time, it faced up with flood situation. Since that, the god of Tan mountain established to be top of four eternity Gods of Viet people etc. This is also the first division of two groups of Viet and Muong. And, the God and Tan mountain become a cultural hero of Viet's people.